

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Phương
2. Ông Huỳnh Văn Chớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38 /2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị S, sinh năm 1997; trú tại: Tổ 21 ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: Anh Lâm C, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 21 ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Chị S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị S trình bày:

Chị và anh Lâm C chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, từ đó nạn nứt hạnh phúc gia đình. Chị đã bỏ nhà về sống với ba, mẹ ruột, hiện chị làm Công ty ở tại Công ty luôn hơn 8 tháng nay, vợ, chồng đã ly thân cho đến nay. Hiện tại ai cũng có Cộc sống riêng, không còn quan tâm với nhau nữa, tình cảm không còn. Chị S xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Trọng, sinh ngày 15/4/2015, đồng ý giao con cho anh C nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn, xin đôn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung như chị S trình bày, anh xin đoàn tụ không yêu cầu giải quyết, nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì anh xin nuôi con chung, yêu chị S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Lâm Thị S và anh Lâm C vắng mặt, vẫn giữ nguyên lời trình bày, không thay đổi.

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn giữa chị Lâm Thị S đối với anh Lâm C.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lâm Trọng, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2015, chị S đồng ý giao con chung cho anh C nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị S phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị S, anh C là phù hợp.

* Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị S và anh Lâm C chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Cộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, từ đó rạn nứt hạnh phúc gia đình. Chị đã bỏ về nhà ba, mẹ ruột sống và đi làm Công ty, ở tại Công ty đã hơn 01 năm, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại ai cũng có Cộc sống riêng, không còn quan tâm với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị S xin ly hôn với anh C.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong Cộc sống vợ chồng cần có sự chia sẻ đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị S, anh C không có sự chia sẻ và đồng cảm nếm mối quan hệ vợ chồng trong gia đình dần mất đi, hiện tại chị S đã sống riêng ly thân hơn năm nay. Thời gian chung sống anh C thường xuyên bỏ bê gia đình không lo làm ăn, mê chơi bời, thời gian kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, qua xác minh của Tòa án ở địa phương thì anh C ham mê cờ bạc, bỏ bê gia đình không lo là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, chị S xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ của anh C thì thấy rằng: Anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có sự thay đổi trong Cộc sống gia đình, không thuyết phục được chị S về chung sống với nhau, chứng tỏ tình cảm của anh, chị không thể hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng. Thời gian mâu thuẫn của vợ chồng đã lâu, hôn nhân của anh, chị không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Trọng, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2015. Anh, chị thống nhất giao con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành tự tạo thu nhập, sinh sống được, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị S và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị S đối với anh Lâm C. Chị Lâm Thị S được ly hôn với anh Lâm C.

2. Về con chung: Có 01 con chung Lâm Trọng, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2015. Anh, chị thống nhất giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung trưởng thành tự tạo thu nhập sinh sống được. Việc cấp dưỡng được thứ hiện từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên tự lao động sinh sống được.

Chị S được quyền đến thăm nuôi con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Lâm Thị S và anh Lâm C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000301 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, chị S còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Cái Thị Minh Tâm

